

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày 13 - 9 - 2023
“V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG KHÁNH, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hoa

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Phạm Quốc Thân

2/ Ông Nguyễn Thế Nam

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Trục, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Bà Trần Huỳnh Như Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 13/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh, tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 181/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 10 năm 2022, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXX - ST ngày 31/8/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Duy TÂM, sinh năm 1986. Nơi cư trú: 55L, phường X, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Anh Tu, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Số 30, ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM trình bày:

Tôi có cho anh Tu vay số tiền tổng cộng 100.000.000đ, cụ thể như sau: Lần 1 ngày 07/6/2021, tôi cho anh Tu vay 70.000.000đ, hạn 01 tháng trả, không thỏa thuận lãi suất. Lần 2, ngày 27/6/2021, tôi cho anh Tu vay 30.000.000đ, hạn 01 tháng trả, không thỏa thuận lãi suất. Mặc dù khi vay không thỏa thuận lãi suất cụ thể, nhưng có

nói khi trả anh Tu sẽ trả thêm cho tôi chút tiền uống cà phê. Quá trình vay anh Tu đã trả cho tôi tổng cộng số tiền lãi là 30.000.000đ. Từ tháng 3/2022 đến nay anh Tu không trả thêm cho tôi đồng nào nữa. Nay tôi yêu cầu anh Tu trả tôi số tiền gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), không yêu cầu trả lãi. Ngoài ra, tôi không có yêu cầu nào khác. Tôi xác định việc vay, mượn là giữa tôi và anh Phạm Anh Tu ngoài ra không liên quan đến người nào khác.

- Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp, giao nộp: CCCD, sổ hộ khẩu (bản sao); CMND Nguyễn Anh Tu (pho to) Bản tự khai, Giấy vay tiền; lời khai tại các biên bản lấy lời khai.

** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Phạm Anh Tu trình bày:*

Tôi xác nhận có vay anh Nguyễn Duy TÂM số tiền tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Vay làm 2 lần với thời gian và số tiền như anh Nguyễn Duy TÂM trình bày như trên là đúng sự thật. Tôi xác nhận hiện nay tôi còn nợ anh TÂM số tiền nợ gốc tổng cộng là 100.000.000đ, khi vay có thỏa thuận lãi suất bằng miệng với nhau là 70.000.000đ thì 10 ngày trả 7.000.000đ tiền lãi; số tiền vay 30.000.000đ thì 10 ngày trả 4.500.000đ. Tôi đã trả cho anh TÂM khoảng từ 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) đến 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) tiền lãi nên tôi không đồng ý trả số tiền nợ gốc cho anh TÂM nữa. Việc vay, mượn là giữa tôi và Nguyễn Duy TÂM ngoài ra không liên quan đến người nào khác.

- Tài liệu, chứng cứ bị đơn cung cấp, giao nộp: CCCD (bản sao); bản sao kê tài khoản ngân hàng; Bản tự khai; lời khai tại các biên bản lấy lời khai; đơn thay đổi ý kiến.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được: Lời khai tại các biên bản lấy lời khai; Công văn số 1363/CSĐT-CSHS ngày 14/8/2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh cung cấp.

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và đề nghị:

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Phạm Anh Tu phải trả số tiền nợ vay chưa trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM, về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản”. Buộc bị đơn anh Phạm Anh Tu phải trả cho nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM số tiền 100.000.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp:

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn anh Phạm Anh Tu phải trả số tiền nợ vay chưa trả 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xác định là tranh chấp dân sự, về việc “Tranh chấp hợp vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 điều 26 và điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về thẩm quyền:

Anh Phạm Anh Tu là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp H, xã H, thành phố L, tỉnh Đồng Nai. Do đó, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn nhận thấy:

Nguyên đơn anh Nguyễn Duy TÂM yêu cầu bị đơn anh Phạm Anh Tu trả số tiền nợ cho vay tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng), cho vay làm hai lần: lần 1, vào ngày 07/6/2021, số tiền 70.000.000đ, thời hạn 01 tháng (có giấy vay tiền); lần 2, vào ngày 27/6/2021 số tiền 30.000.000đ, thời hạn 01 tháng (không có giấy tờ gì). Nguyên đơn cung cấp một giấy ghi nội dung “Tôi tên Phạm Anh Tu tôi có mượn ông Nguyễn Duy TÂM số tiền 70.000.000đ ...đến ngày 7 tháng 7 năm 2021 tôi sẽ hoàn trả lại số tiền cho anh Nguyễn Duy TÂM..”. Bị đơn anh Phạm Anh Tu xác định giấy vay tiền này do chính anh Tu viết khi vay tiền của anh Nguyễn Duy TÂM. Đồng thời anh Phạm Anh Tu cũng xác nhận có vay của anh Nguyễn Duy TÂM số tiền tổng cộng 100.000.000đ, vay làm 02 lần như anh TÂM khai. Hội đồng xác định tình tiết này là sự thật và không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do đó, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ vay chưa trả tổng cộng là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) là có căn cứ nên chấp nhận.

[3.2] Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn nhiều lần thay đổi lời khai về tổng số tiền lãi đã trả cho nguyên đơn. Quá trình giải quyết vụ án anh Phạm Anh Tu cho rằng anh Tu đã trả cho anh Nguyễn Duy TÂM khoảng 600.000.000đ đến 900.000.000đ tiền lãi; khi làm việc tại Cơ quan điều tra anh Tu khai đã trả cho anh TÂM tổng cộng số tiền 366.000.000đ tiền lãi; Tại phiên tòa bị đơn lại khai bị đơn không nhớ chính xác đã trả cho nguyên đơn anh TÂM số tiền lãi khoảng bao nhiêu, chỉ nhớ là đã trả rất nhiều. Lời khai của bị đơn là bất nhất và không được nguyên đơn thừa nhận; bị đơn cũng không có tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ. Bị đơn chỉ chứng minh được bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng), hình thức chuyển khoản qua tài khoản ngân hàng. Anh TÂM cũng thừa nhận, khi vay không thỏa thuận lãi suất nhưng có nói là khi trả thì anh Tu sẽ cho anh TÂM thêm chút tiền uống cà phê và anh TÂM đã nhận được tổng cộng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng), anh TÂM trừ số tiền này sang tiền lãi anh Tu phải trả.

Tại phiên hòa giải ngày 20/7/2023, anh Tu đồng ý trả cho anh TÂM toàn bộ tiền nợ gốc tổng cộng là 100.000.000đ. Đối với số tiền lãi anh Tu khai đã trả cho anh TÂM từ khoảng 800.000.000đ đến 900.000.000đ anh Tu không có tài liệu chứng cứ chứng

minh, anh Tu chỉ chứng minh được đã trả cho anh TÃ 30.000.000đ như anh TÃ đã thừa nhận. Do đó, đối với số tiền lãi này anh Tu không có yêu cầu gì nữa. Ngày 21/7/2023, anh Tu có văn bản thay đổi ý kiến, không đồng ý trả cho anh Tu số tiền nợ gốc tổng cộng là 100.000.000đ và anh đang làm đơn tố cáo anh Tu về hành vi cho vay nặng lãi tại Công an thành phố Long Khánh. Ngày 21/8/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh có Văn bản số 1363/CSĐT-CSHS ngày 14/8/2023 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo phúc đáp cho Tòa án. Theo đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Long Khánh xác định việc vay, mượn giữa anh TÃ và anh Tu là quan hệ dân sự. Đồng thời, quá trình làm việc tại cơ quan Công an, anh Tu cũng không chứng minh được đã trả cho anh TÃ số tiền lãi khoảng 800.000.000đ đến 900.000.000đ như anh Tu Khai mà chỉ chứng minh được đã trả số tiền tổng cộng tiền 25.000.000đ (hai mươi lăm triệu đồng); Anh TÃ cũng thừa nhận đã nhận được từ anh TÃ số tiền tổng cộng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Anh Tu cho rằng hai bên có thỏa thuận lãi và anh đã trả cho nguyên đơn khoản lãi khoảng 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) đến 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) nên không đồng ý trả gốc; nguyên đơn anh TÃ không thừa nhận và bị đơn không chứng minh được điều này, nên việc anh Tu cho rằng đã trả cho anh TÃ số tiền lãi khoảng 800.000.000đ (tám trăm triệu đồng) đến 900.000.000đ (chín trăm triệu đồng) là không có cơ sở.

Anh Tu chỉ chứng minh được đã trả cho anh TÃ số tiền tiền 25.000.000đ, anh TÃ thừa nhận đã nhận từ anh Tu số tiền tổng cộng 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) và trừ vào tiền lãi bị đơn phải trả. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Hội đồng xét xử thấy rằng, nguyên đơn và bị đơn đang có tranh chấp về tiền lãi, các bên có thỏa thuận về lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, bị đơn khai khi vay hai bên có thỏa thuận bằng miệng với nhau về tiền lãi suất, nguyên đơn cho rằng không thỏa thuận lãi nhưng có nói khi trả bên vay sẽ cho bên cho vay thêm chút tiền uống cà phê, và thực tế anh Tu đã trả cho anh TÃ số tiền 30.000.000đ.

Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định trong trường hợp các bên đang có tranh chấp về lãi suất thì lãi suất được xác định bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này tại thời điểm trả nợ. Theo đó, mức lãi suất trần cho phép đối với giao dịch dân sự theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, cụ thể là 20%/năm, tức là 1,66%/tháng. Như vậy, xác định lãi suất anh Tu phải trả cho anh TÃ là 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 điều này là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng (lãi trong hạn). Đối với lại quá hạn, tại Điều 5 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP Ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định: “Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi suất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi suất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015” là 1,25%/tháng.

Như vậy, theo quy định của pháp luật, anh Tu phải trả cho anh TÃ số tiền lãi tổng cộng là 33.233.633đ, cụ thể như sau:

- Đối với số tiền 70.000.000đ: Từ ngày 07/6/2021 đến ngày 07/7/2021: $70.000.000đ \times 0,83\% \times 01 \text{ tháng} = 581.000đ$. Từ ngày 08/7/2021 đến ngày 13/9/2023: $70.000.000đ \times 1,25\% \times 26 \text{ tháng } 05 \text{ ngày} = 22.895.833đ$.

- Đối với số tiền 30.000.000đ vay ngày 27/6/2021: Từ ngày 27/6/2021 đến ngày 27/7/2021: $30.000.000đ \times 0,83\% \times 01 \text{ tháng} = 249.000đ$. Từ ngày 28/7/2021 đến ngày 13/9/2023: $30.000.000đ \times 1,25\% \times 25 \text{ tháng } 16 \text{ ngày} = 9.575.000đ$.

Do số tiền lãi anh Tu đã trả nhỏ hơn số tiền lãi anh Tu phải trả là 3.233.633đ nên anh Tu phải trả thêm cho anh TÃ số tiền lãi này. Tuy nhiên, anh TÃ chỉ yêu cầu lấy số tiền gốc tổng cộng 100.000.000đ. Xét thấy, yêu cầu này của nguyên đơn là tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận, do đó không buộc anh Tu phải trả thêm số tiền lãi còn thiếu.

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn anh Phạm Anh Tu phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[5] Nhận định của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Khánh phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 92; Điều 147; Điều 227; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 357, Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP Ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Duy TÃ đối với anh Phạm Anh Tu, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Buộc anh Phạm Anh Tu có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Duy TÃ số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

Bị đơn anh Phạm Anh Tu phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Hoàn trả cho anh Nguyễn Duy TÂ số tiền 2.500.000đ tạm ứng án phí anh Nguyễn Duy TÂ đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0006136 ngày 26/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Khánh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (đã sửa đổi, bổ sung)./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Long Khánh;
- CCTHA TP. Long Khánh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Lê Thị Hoa